

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật tóm lược (Quyển 04)

ISSN: 2734-9195 09:05 20/01/2026

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 04.

1. Bốn hằng thệ nguyện

"Hằng" là vĩnh hằng, bất diệt. Thệ nguyện là lời phát tâm. Bốn hằng thệ nguyện là bốn lời phát tâm mang tính bất diệt, quyết làm cho tới khi thân hoại mạng chung, không thoái chí, gồm có:

- 1, Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ
- 2, Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
- 3, Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
- 4, Phật đạo vô thượng thệ nguyện hành

Tại sao chúng sinh trôi nổi trong sinh tử? Vì do nghiệp chướng, nghiệp chướng này từ đâu đến? Là từ mê hoặc đến. Có mê hoặc thì chẳng thể tu đạo, chẳng tu đạo thì luôn bị trôi buộc. Phật dùng trí tuệ quang minh phá trừ vô minh của chúng sinh, diệt trừ si ám của chúng sinh. Môn đại từ bi tức là dùng tâm đại từ và tâm đại bi, để đối đãi bình đẳng với chúng sinh. Tức cũng là vô duyên đại từ, đồng thể đại bi. Môn đại từ bi tức cũng chẳng có biểu hiện tâm sân hận. Giống như Bồ tát Thường Bất Khinh, khi ngài tu bồ tát đạo, gặp chúng sinh thì lễ lạy, miệng nói: "Tôi không dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật". Song, có người mắng chửi ngài, có người đánh ngài, dù có ai đối đãi bất kính với ngài như thế nào, ngài vẫn dùng tâm từ bi để tha thứ họ, tuyệt đối chẳng sinh tâm sân hận.

2. Tam ma địa

Tam ma địa nghĩa là định. Tịch tĩnh là chẳng có âm thanh, nghĩa là vắng lặng. Thứ định này vắng lặng, rộng lớn, không thể nghĩ bàn. Tam ma địa tức là không sinh, không diệt, không đến, không đi, đây là nói định của Phật là cảnh giới như thế.

*"Phật pháp tại thế gian,
Chẳng là thế gian giác,
Là thế gian cầu bồ đề,
Ví như tìm sừng thỏ"*

Ý nghĩa của bốn câu kệ này, tức là ở trong pháp thế gian có thể tìm ra pháp xuất thế, chứ chẳng phải nói chẳng có pháp xuất thế. Nếu xả bỏ pháp thế gian, thì vĩnh viễn chẳng thể tìm được pháp xuất thế. Pháp xuất thế bao quát pháp thế gian, tuy nhiên cần phải hiểu rõ, ở trong thế gian mới tu được pháp xuất thế, ở trong thế gian mà dụng công phu tu hành. Nếu cho rằng phải tới một nơi nào đó, thế giới nào đó để tìm pháp xuất thế thì cũng như đi tìm sừng trên đầu con thỏ vậy.

3. Tà niệm - Chính niệm

Tà niệm là gì? Tức là tham, sân, si, chấp vào tham, sân, si, hành theo tham, sân, si.

Chính niệm là gì? Tức là giới, định, tuệ, siêng tu giới, định, tuệ để diệt trừ tham, sân, si, như vậy sẽ tới được chỗ giải thoát.

Thân Phật thanh tịnh thường vắng lặng, thân Phật không lay động nơi bốn xứ, hiện ra khắp tất cả sắc thân diệu hữu, song sắc thân diệu hữu chẳng có tất cả tướng, vì là chân không. Trong chân không thấy diệu hữu, diệu hữu tức là chân không, cho nên chẳng có các tướng, do đó có câu:

*"Chư pháp tùng bản lai,
Thường tự tịch diệt tướng,
Bất sinh diệt bất diệt,
Bất khả dĩ ngôn thuyên".*

Nghĩa là:

*"Nguồn gốc của các pháp,
Tướng thường tự vắng lặng,
Không sinh cũng không diệt,
Không thể dùng lời nói."*

Tiếp dẫn đạo sư không thể nghĩ bàn, có oai nghi như thế không thể tả, có uy đáng sợ có nghi dung đáng kính. Tùy theo tâm niệm chúng sinh, mà khiến cho họ được thấy tướng đại oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, cũng là đại diện cho ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh.

Ba ngàn oai nghi là gì? Tức là từ kheo đầy đủ hai trăm năm mươi giới, mỗi giới đủ bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, thành ra một ngàn, noi theo ba đời, quá khứ, hiện tại và vị lai, thành ra ba ngàn. Tám vạn tế hạnh là gì? Tức là ba ngàn oai nghi phối hợp với thân nghiệp ba chi, là sát, đạo, dâm, và khẩu nghiệp bốn chi là nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, chửi mắng, thành ra hai vạn một ngàn, lại phối hợp ba độc tham, sân, si, và bốn phiền não tức là tám vạn bốn ngàn oai nghi, nay chỉ lược nói tám vạn. Trong trăm ngàn kiếp cũng chẳng dễ gì gặp được Phật, dù gặp được Phật chưa chắc đã nhận ra Phật. Phật hiện ra đời vì muốn lợi ích chúng sinh, muốn độ chúng sinh là khổ được vui, Ngài dùng thần thông diệu dụng tự tại, để cứu khổ chúng sinh, ban vui cho chúng sinh.

Phật có một thứ mây quang minh sáng, hay chiếu khắp mười phương pháp giới. Thứ quang minh sáng đó, do đủ thứ quang viên mãn thành tựu, thứ mây quang minh sáng đó, chiếu khắp hết thủy pháp giới, để chỉ bày cho chúng sinh pháp môn mà Phật đã tu hành để chứng đạo. Học Phật pháp, phải biết rõ tính quan trọng của Phật pháp. Nếu không nhận thức rõ ràng, hoặc chẳng hiểu biết triệt để, thì không thể nào liễu nghĩa mà thực tập tu hành, không tu hành thì chẳng có sở đắc, cũng chẳng đạt được trí tuệ.

Người có trí tuệ thì không thể ở chỗ đen tối, người ngu si thì không thể ở chỗ ánh sáng. Tại sao? Vì người ngu si không cảm nhận được chỗ đen tối, tập quán huân lâu thành thói quen. Song, người có trí tuệ biết đen tối là sai quấy, cho nên tìm chỗ có sáng mà đi về. Ánh sáng là tượng trưng cho chẳng còn sân hận, mê mờ. Cho nên chính đại quang minh tức là tâm địa quang minh, chẳng có chướng ngại. Người tu đạo phải luôn luôn hồi quang phản chiếu, tức cũng là phản tỉnh những gì mình làm mỗi ngày, rằng có hợp với giới luật chăng? Hợp thì được mà chưa thì sửa đổi, luôn luôn quán thúc mình, đừng làm cho mình niệm niệm sinh ngu si, mà phải niệm niệm quán chiếu sinh trí tuệ. Người có sự tu dưỡng thì tuyệt đối biết kiểm chế. Người có hàm dưỡng công phu, thì sẽ khiến cho người khác tự sinh tâm cung kính.

Nếu bị người đời mắng, thì không nên mắng lại người, đó mới là công phu nhẫn nhục thật sự, tức cũng là có định lực. Đối đãi với huynh đệ phải có hòa khí, không riêng chỉ có như vậy, mà với mọi người, cũng phải hòa mục, không phân biệt người ưa kẻ ghét. Người tu đạo, bất cứ gặp cảnh nghịch như thế nào, đều phải thuận thọ, thuận phục cảm giác, đừng động lửa trong gan.

*“Quán lời ác là công đức,
Đó là thiện tri thức của ta,
Đừng vì sự phỉ báng mà khởi oán thân,
Đó là vô sinh từ nhẩn lực.”*

Đại ý của bốn câu này là nếu có người mắng ta, đó là công đức, người mắng là thiện tri thức, họ trợ giúp ta rèn luyện, kiểm nghiệm tâm, đừng vì họ phỉ báng mà khởi tâm sân hận thù, nên sinh tâm từ bi. Do đó có câu: Người xuất gia, dùng từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa. Người có nhẩn là người có định lực.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Định lực tu như thế nào?

Trước hết phải giữ giới, giữ giới là không làm ác, ngừa việc quấy, năng làm thiện. Giữ giới thì phải thường kiểm thảo lại mình, việc mình làm có động cơ là gì. Đối với thế gian, mình đang làm thiện thì đừng ngần ngại mà tiếp tục làm, còn nếu có lỗi thì lập tức hối cải. Lâu dần như vậy sẽ sinh định lực. Sinh ra định lực rồi, trải qua thêm nhiều thử thách mới giúp định lực lớn mạnh hơn. Giữ giới phải thanh tịnh, phải từ bi, phải cung kính, phải hòa khí, do đó cần có tinh thần lục hòa. Người tu đạo lấy lục hòa làm tiêu chuẩn, mới là người giữ giới luật.

4. Lục hòa là gì?

1, Thân hòa đồng trụ: Mọi người ở chung với nhau, tu với nhau, nghiên cứu với nhau, không được chỉ biết mỗi mình, phải biết người khác, cùng nhau hòa

thuận.

2, Khẩu hòa vô tranh: Không dùng lời lẽ mà đấu đá nhau, không dùng miệng lưỡi để tấn công nhau.

3, Ý hòa đồng duyệt: Ý phải hòa hợp, không nghĩ xấu, không nuôi tâm ác.

4, Kiến hòa đồng giải: Không chấp kiến bản thân, không nên cho rằng kiến người khác là sai, mà phải minh bạch cái thấy, cái nghĩ, tập thể cùng hòa giải cái thấy, cái nghĩ.

5, Giới hòa đồng tu: Giới luật mọi người đều giữ, ai cũng như nhau.

6, Lợi hòa đồng quân: Tất cả lợi ích, mọi người cùng nhau sẻ chia, quân bình hợp lý, bình đẳng như nhau.

Người tu đạo phải minh bạch đạo lý này, không chướng ngại người đồng tu, không áp bức đồng đạo. Giữ giới chính là khiến cho tâm mình có tính an định. Nếu tâm ta vọng tưởng tán loạn, thì đi đến đâu, bất kì chỗ nào cũng chẳng được bình an, chẳng thể cát tường. Lòng tham được ví như con rắn nhỏ nhưng lại muốn nuốt chửng cả một con voi lớn. Người tu đạo phải chú trọng đức hạnh, tức cũng là chú trọng về đạo đức. Đạo đức là xả mình vì người, chẳng có tâm ích kỷ lợi mình. Mỗi cử chỉ, hành động, lời nói, việc làm, đều phải chú trọng về đạo đức. Khi mình có cơ hội thì hết sức vì người khác với động cơ thiện lành, sống tử tế, sống đàng hoàng, quang minh chính đại, nếu chẳng thể giúp người thì cũng không hại người.

5. Đại Bồ tát Phổ Hiền với mười hạnh nguyện

Đại Bồ tát Phổ Hiền lớn nhất về hạnh lực và nguyện lực, Ngài phát mười đại nguyện vương, bao quát tất cả hạnh nguyện ở trong đó, cho nên là vua trong các lời nguyện. Mười hạnh nguyện gồm có:

1, Lễ kính chư Phật - 2, Xưng tán Như Lai - 3, Quảng tu cúng dường - 4, Sám hối nghiệp chướng - 5, Tùy hỷ công đức - 6, Thỉnh chuyển pháp luân - 7, Thỉnh Phật trụ thế - 8, Thường tùy Phật học - 9, Hằng thuận chúng sinh - 10, Phổ giai hồi hướng

Công đức của Bồ tát có 6 thứ:

1, Địa vị - 2, Nguyện lực - 3, Mười hạnh thù thắng - 4, Mười phương tiện - 5, Mười như thị - 6, Chứng pháp giới

6. Kiếp

Kiếp là tiếng Phạn, dịch nghĩa là “Thời phân”, tức cũng là thời gian phân biệt, ví như vô lượng kiếp tức là vô lượng thời gian. Kiếp 3 đời tức là thời gian quá khứ, hiện tại và vị lai ba đời. Phương pháp tính kiếp có hai cách:

1, Lấy mười ba vạn chín ngàn sáu trăm năm làm một kiếp, một ngàn mười ba vạn chín ngàn sáu trăm năm làm một tiểu kiếp, hai mươi tiểu kiếp làm một trung kiếp, bốn trung kiếp làm một đại kiếp.

2, Lấy tuổi thọ của con người làm đơn vị, từ tám vạn bốn ngàn tuổi bắt đầu giảm. Mỗi một trăm năm giảm xuống một tuổi, độ cao của thân thể cũng giảm một tấc, giảm đến tuổi thọ của con người chỉ còn mười tuổi thì ngừng. Sau đó mỗi một trăm năm tăng thêm một tuổi, thân cũng cao thêm một tấc, tăng đến tuổi thọ của con người là tám vạn bốn ngàn tuổi thì ngừng. Một lần tăng, một lần giảm như thế là một kiếp, tám mươi tiểu kiếp làm một đại kiếp.

Khi thế giới thành, thời gian hai mươi tiểu kiếp, trụ cũng hai mươi tiểu kiếp, hoại cũng hai mươi tiểu kiếp, không cũng hai mươi tiểu kiếp, cho nên trong một đại kiếp có thành trụ hoại không bốn giai đoạn. Đời quá khứ có thành trụ hoại không của quá khứ, đời hiện tại có thành trụ hoại không của hiện tại, vị lai có thành trụ hoại không của vị lai. Thân thể của chúng ta cũng có thành trụ hoại không, song chẳng gọi thành trụ hoại không, mà gọi là sinh trụ dị diệt. Khi sinh ra đến hai mươi tuổi là thành, đến khoảng bốn mươi là trụ, đến khoảng sáu mươi là dị, đến khoảng tám mươi và sau đó là diệt. Dị là biến hoại, diệt là không, chẳng còn. Đây là pháp tính theo tuổi thọ của con người tạm coi là tám mươi tuổi.

Tóm lại, trong sự vật thì có thành trụ hoại không, trong thân người thì có sinh trụ dị diệt, hoặc sinh già bệnh chết, đó là biểu hiện của sự vô thường.

7. "3 loại Phạt tử"

Phạt tử có 3 loại:

1, Ngoại tử

Tức là phạm phu, biết tới Phật pháp nhưng chẳng chịu cất công thực hành hoặc tu học.

2, Giá tử

Là hàng thanh văn, duyên giác.

3, Chân tử

Là hàng Bồ tát.

Địa vị hàng Bồ tát rất cao, nguyện lực rất lớn, tu mười pháp môn Ba la mật thù thắng, và mười phương tiện đều là vô lượng vô biên. Mười phương tiện tức là: 1, Phương tiện bố thí. 2, Phương tiện trì giới. 3, Phương tiện nhẫn nhục. 4, Phương tiện tinh tấn. 5, Phương tiện thiền định. 6, Phương tiện trí tuệ. 7, Phương tiện đại từ. 8, Phương tiện đại bi. 9, Phương tiện giác ngộ. 10, Phương tiện chuyển bánh xe pháp bất thối

Bồ tát cũng nói mười thứ như thị, chứng đắc đạo lý chân thật vi diệu không nghĩ bàn. Mười thứ như thị là mười thứ được tạm giảng là “như vậy”, có nghĩa rằng không diễn tả thấu triệt được bằng ngôn từ, cụ thể:

1, Tướng như vậy. 2, Tính như vậy. 3, Thể như vậy. 4, Lực như vậy. 5, Tác như vậy. 6, Nhân như vậy. 7, Duyên như vậy. 8, Quả như vậy. 9, Báo như vậy. 10, Gốc ngọn rốt ráo như vậy.

Các vị đại bồ tát đắc được pháp môn giải thoát vi diệu không thể nghĩ bàn, trụ ở trong pháp môn bình đẳng của Phật, tức cũng là phổ quang minh địa, đã đắc được tất cả pháp môn Đà la ni. Đà la ni dịch là tổng trì, tức là tổng tất cả các pháp, trì vô lượng nghĩa. Tức là tổng thân khẩu ý ba nghiệp thanh tịnh, trì giới định tuệ ba học viên minh.

8. Ba thân Phật

Phật có ba thân:

1, Pháp thân: Tức là thanh tịnh pháp thân tỳ lô giá na Phật

2, Báo thân: Tức là viên mãn báo thân lô xá na Phật

3, Ứng hoá thân: Tức là Thiên Bách ức Hóa Thân Thích ca Mâu ni Phật, ứng thân đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, để trang nghiêm thân.

Thiện thệ có 2 nghĩa: 1, Giảng theo chữ nghĩa là đạt đến chân thiện mỹ. 2, Giảng theo kinh văn nghĩa là Niết Bàn không sinh không diệt, chẳng còn ở trong biển sinh tử. Thiện thệ tức cũng là Phật.

Diệu âm là Tạng Kinh Phật thuyết. Chúng sinh nghe được thứ diệu âm đó thì trí tuệ được rộng lớn như biển cả. Nếu có chúng sinh nào sân hận, nghe được diệu âm, liền bất tri bất giác tâm sân hận được tiêu diệt. Bất cứ làm việc gì, đều có tâm bình khí hòa để xử lý. Đối với bất cứ người nào, cũng đều khiêm nhường hòa nhã, đó là công hiệu diệu âm. Chúng sinh có tâm tham, nghe được diệu âm cũng hết tham.

Người nghe được Tạng kinh thì đắc mười trí lực: 1, Xứ phi xứ trí lực. 2, Quá, vị, hiện tại, nghiệp báo trí lực. 3, Căn thắng liệt trí lực. 4, Chứng chủng giải trí lực. 5, Chứng chủng giới trí lực. 6, Nhất thiết chí xứ đạo trí lực. 7, Thiên định giải thoát tam muội trí lực. 8, Túc trụ niệm trí lực. 9, Thiên nhãn trí lực. 10, Lưu tận trí lực.

Xứ phi xứ là gì? Ví như trồng nhân lành thì kết quả lành, đây là xứ hợp lý. Nếu như nói trồng nhân lành mà kết quả khổ, thì đây chẳng phải xứ hợp lý, tức cũng là phi xứ. Xứ ở đây nghĩa là kiến lập, kiến lập tất cả pháp “thị” và pháp “bất thị”. Tất cả nghiệp chương tức là “các kết”. Có kết thì không được giải thoát, tức cũng là bị ràng buộc. Bị gì ràng buộc? Bị nghiệp chương mà mình tạo ra ràng buộc. Tại sao tạo nghiệp chương? Vì tham sân si ba độc tác quái, chuyên tạo nghiệp nhiễm ô, cho nên đen tối chẳng thấy quang minh, chẳng có trí tuệ. Làm thế nào để tiêu trừ nghiệp chương? Thì phải tu hành. Tu cái gì? Tu giới định tuệ, hành bồ tát đạo, công đức viên mãn thì nghiệp chương tự nhiên tiêu trừ.

Chủng tử nghiệp chương hiện hành tồn tại trong thức thứ tám, và hết thảy tập khí tùy miên tạo ra đời đời kiếp kiếp.

Tập khí là gì?

Tức cũng là dư tập, giống như người hút thuốc, tuy giữ giới hút thuốc, song có khi vẫn còn thèm hút thuốc, đó là dư tập. Hay cũng như người nghiện rượu vậy. Muốn giảm trừ tập khí xấu của tham sân si phải tu như chân như thật mười Ba la mật này:

1, Bồ thị độ. 2, Trì giới độ. 3, Nhẫn nhục độ. 4, Tinh tấn độ. 5, Thiên định độ. 6, Bát nhã độ. 7, Phương tiện độ. 8, Nguyên độ. 9, Lực độ. 10, Trí độ
Độ chính là cứu giúp mình, là chiếc thuyền qua khỏi biển khổ sinh tử.

9. Chúng sinh và sự thực hành Bồ tát đạo

Chúng sinh có sáu thứ che đậy:

- 1, Keo kiệt che đậy: Tức xả bỏ chẳng được, không học được cách cho đi.
- 2, Phạm giới che đậy
- 3, Sân hận che đậy
- 4, Giải đãi che đậy
- 5, Tán loạn che đậy
- 6, Ác tuệ che đậy

Người thực hành tinh tấn Ba la mật, cần hiểu sự tinh tấn có 3 ý nghĩa:

1, Bị giáp

Giống như quân nhân tác chiến, đều có lớp áo giáp phòng vệ. Bị giáp ở đây nói về sự hướng tới phía trước mà không thối lùi, tin niệm thắng lợi.

Tin niệm thắng lợi ở đây dùng để phát đại thệ nguyện, không thể phát tâm tu rồi được ít ngày lại hoàn tục.

2, Nhiếp thiện: Tức là dùng đủ thứ pháp môn phương tiện, để hướng về đạo bồ đề phía trước. Chẳng những mình đi trên con đường đạo bồ đề, mà cũng dạy chúng sinh đi trên con đường đạo bồ đề. Đây là nhiếp phục, hành thiện cho chúng sinh.

3, Lợi lạc: Tức là lợi ích khoái lạc tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh, đắc được vô thượng chính đẳng chính giác.

Bát nhã dịch là trí tuệ, trí tuệ này là trí tuệ xuất thế gian, chẳng phải là trí tuệ thế gian, bao gồm có 3 thứ:

1, Văn tự Bát nhã: Tức là dùng văn tự để nói rõ chân lý như tam tạng, mười hai bộ, tất cả kinh điển.

2, Quán chiếu Bát nhã: Tức là phải quán sát, phải chiếu rõ tất cả kinh điển, mới có thể thấu hiểu chân lý.

3, Thật tướng Bát nhã: Thật tướng là vô tướng, do đó có câu Bát nhã phá tan mọi tướng.

Bồ đề nguyện

Bồ đề nguyện có hai thứ

1, Trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh, tức cũng là:

*“Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.”*

2, Nguyện lợi lạc kẻ khác, tức cũng là từ bi hỷ xả, bốn tâm vô lượng. Dem sự lợi ích, an vui cho kẻ khác, đó là tinh thần Bồ tát

3, Thập địa

Thập địa tức là:

1, Hoan hỷ địa. 2, Ly cấu địa. 3, Phát quang địa. 4, Diễm huệ địa. 5, Nan thắng địa. 6, Hiện tiền địa. 7, Viễn hành địa. 8, Bất động địa. 9, Thiện huệ địa. 10, Pháp vân địa

Vì sao gọi là hoan hỷ địa?

Vì đã phá được kiến, tư, hoặc, chứng được lý người và pháp đều không, đắc được thọ dụng pháp hỷ sung mãn, thấu hiểu cảnh giới của chư Phật, cho nên hoan hỷ, gọi là hoan hỷ địa.

Thanh tịnh là chẳng có pháp ô nhiễm nào, pháp ô nhiễm có 2 thứ: 1, Pháp ô nhiễm có hình tướng, tức là cảnh giới bên ngoài. 2, Pháp ô nhiễm vô hình, tức là trong tâm ý của mình.

Lúc có hình tướng mà thực hành hạnh môn bất tịnh thì tạo ra vô lượng vô biên nghiệp chẳng thanh tịnh. Lúc vô hình mà khởi tư tưởng không tịnh, thì tạo ra vô lượng vô biên nghiệp chẳng thanh tịnh. Siêng tu tức là tinh tấn, tinh tấn chẳng phải chỉ dụng công một ngày hai ngày, cũng chẳng phải một năm, hai năm, mà phải cả đời hoặc nhiều kiếp.

Vì sao gọi là ly cấu địa?

Vì đã lìa khỏi mọi pháp nhiễm ô, khiến cho tâm thanh tịnh. Làm thế nào lìa cấu bẩn được? Phải nhận chân tu hành mới có sự cảm ứng, mới lìa khỏi cấu bẩn được. Nếu không nhận chân tu hành, thì không thể có cảm ứng, càng không thể lìa khỏi được phiền não cấu bẩn.

Vì sao gọi là phát quang địa?

Vì khi ở ly cấu địa thì tích tụ công đức vô lượng, khi có nội tâm thanh tịnh đến cực điểm, tự tính quang minh bèn phát ra. Chúng ta tu hành Phật pháp, phải tích tập phước đức, đừng cho rằng công đức nhỏ mà không làm. Nên biết công đức nhỏ mà làm nhiều, thì thành công đức lớn, công đức lớn là do công đức nhỏ tích tụ mà thành.

Tích tập là do nhỏ tụ lại thành lớn, ít gộp vào thành nhiều, nghĩa là hội lại với nhau. Phước đức tích tập càng nhiều, thì quang minh tỏa ra càng lớn. Thứ quang minh này là biểu hiện của phước đức, cho nên gọi là Phát quang địa.

Diễm huệ địa

Vì địa này trí tuệ rất cao, lúc này tự tính quang minh đạt tới cực điểm, chính giác đã viên mãn. Trí tuệ quang minh của Bồ tát đạt địa này như biển cả, khéo

thấu rõ mọi cảnh giới về pháp.

Vì sao gọi là Nan thắng địa?

Vì chân, tục, hai trí trái nhau, khiến cho hợp lại, khiến cho thuận nhau. Lại có thể nói, đồng dị của tất cả các pháp đều bất khả đắc. Tạng pháp giới bình đẳng khắp hết thấy, chẳng có gì hơn được, cho nên gọi là nan thắng địa. Động chẳng ngại tĩnh, tĩnh cũng là động. Động tĩnh tùy thuận với nhau chẳng trái nghịch. Bồ tát đạt tới nan thắng thì thấy động tĩnh nhất như, chẳng hai.

Hiện tiền địa

Vì phát ra trí tuệ thù thắng nhất, hiện tiền chẳng có phân biệt tịnh và nhiễm. Vì sự tu hành sâu dày, nên biết rõ tám vạn bốn ngàn pháp môn.

Viễn hành địa

Đạt tới địa này, thì pháp thân sở hiện có thể khắp cùng pháp giới, đồng như hư không.

Bất động địa

Do tất cả nguyện lực đã thành tựu, đến được địa này, Bồ tát như bất động, liễu liễu thường minh, cho nên gọi là bất động địa.

Thiện huệ địa

Vì có đầy đủ mười trí tuệ lực, cầu khắp mọi nơi, biết chúng sinh có thể độ hay không thể độ, vì họ mà thuyết pháp nên gọi là thiện huệ địa. Sức thần thông này khéo nói tất cả giáo lý và các pháp, khiến chúng sinh được minh bạch giáo lý và pháp.

Pháp vân địa

Vì thành tựu trí ba la mật, sinh ra nước pháp công đức, giống như vầng mây lớn, mưa xuống nước thanh tịnh như cam lồ, khiến cho người nghe pháp thân tâm mát mẻ. Pháp vân khắp hư không, ở trong hư không lại hàm tàng tất cả. Hết thấy cảnh giới của tất cả chư Phật trong mười phương ba đời, đều ở trong pháp âm không thể nghĩ bàn của Pháp vân địa diễn nói ra. Tu phước như thế nào? Tức vì lợi ích chúng sinh, làm nhiều việc tốt mà không tư lợi ích kỷ. Tu tuệ như thế nào? Tức là giảng kinh thuyết pháp, siêng tụng kinh điển, khai mở hiểu biết cho người chưa biết.

Nghe pháp có 3 điều lợi ích là:

1, Văn ích: Là lợi ích của sự nghe. Vì nghe pháp nên sinh tâm hoan hỷ và tin tưởng

2, Tư ích: Lợi ích của tư duy. Nghe rồi thì tư duy và quán chiếu, suy nghĩ, quán lý chân thật

3, Tu ích: Lợi ích của sự tu

Tu đủ thứ pháp môn có lợi. Y theo pháp để tu hành, đắc hỷ sung mãn, có tín tâm, nguyện tâm và thực hành. Do minh bạch đạo lý mà chứng được Thánh quả. Dần dần chuyển hóa tâm phàm phu thành bậc thánh. Phật là tự tại nhất, tức cũng là tùy tâm như ý, muốn thế nào thì thế đó, chẳng có hạn chế, tự tại thật sự. Nếu mình làm chủ được, thì chẳng có phiền não gì cả, chẳng bị cảnh giới chuyển biến, không khởi vọng tưởng, chẳng chấp trước, đó đều là tự tại. Phật vượt ra khỏi thế gian, chẳng có chỗ nương. Phật đầy đủ tất cả công đức, độ thoát tam giới hai mươi lăm cõi. Hai mươi lăm cõi đó là: “Bốn châu bốn đường ác/ Phạm Thiên lục dục Thiên/ Vô tướng ngũ bất hoàn/ Tứ không và tứ thiên”.

Tại dục giới có mười bốn cõi: Tức là bốn đại châu; bốn đường ác; sáu trời dục. Tại sắc giới có bảy cõi: Tức là Tứ Thiên Thiên, Đại Phạm Thiên, Vô Tướng Thiên, Ngũ Bất Hoàn Thiên, Vô Nãi Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Kiến Thiên, Thiện Hiện Thiên, Sắc Cứu Kỉnh Thiên. Tại vô sắc giới có bốn cõi: Tức là trời Tứ Không, Trời Không Vô Biên Xứ, Trời Thức Vô Biên Xứ, Trời Vô Sở Hữu Xứ, Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Chúng ta đều ở trong hai mươi lăm cõi, chưa lìa khỏi sinh tử. Trí tuệ quang minh của Phật, khiến cho pháp giới thanh tịnh. Tẩy sạch hết tất cả trần cấu của tình ái, khiến cho chẳng còn sự ràng buộc tình và ái. Đoạn dục khứ ái là pháp môn trở về nguồn cội, khôi phục đồng thể. Chúng ta nên tu pháp này. Không rơi vào không có hai bên, không rơi vào đoạn, thường, nhị kiến tức là trung đạo. Chấp đoạn ngoại đạo nói: “Người chết như đèn tắt, chẳng còn gì nữa”. Chấp thường ngoại đạo nói: “Người chết đời sau vẫn là người, chó chết đời sau vẫn là chó”. Hai thứ ngoại đạo này, đều phủ nhận nhân quả, bát vô nhân quả. Phật chẳng động, lìa khỏi bên không, lìa khỏi bên có, đây tức là trí tuệ của Phật. Nếu như có người thấy được Phật, thì thân tâm đều lìa khỏi sự phân biệt. Người đó thấy Phật như hư không, thì đối với tất cả các pháp thông đạt vô ngại, vĩnh viễn dứt hẳn tất cả sự nghi trệ. Chúng ta tu đạo thì phải chiếu theo tin, hiểu, hành, chứng, bốn bước lớn này, mà tu hành, chẳng những đối với Phật chẳng có hoài nghi, mà đối với pháp cũng chẳng có hoài nghi. Phải tin pháp của Phật nói, đều là lời kinh nghiệm. Pháp của Phật nói, đều là pháp mà thân Phật trải qua các cảnh đó mà ngộ đạo. Chúng ta học Phật pháp, tức là học phương pháp Phật thành Phật.

Pháp là phương pháp, là pháp phương tiện giáo hóa chúng sinh. Pháp phương tiện này là vì người mà thí. Nếu chẳng có người, thì pháp cũng chẳng có. Pháp là Phật nói, Phật chẳng tại thế gian, song, pháp vẫn lưu tại thế gian. Tâm chúng sinh tin pháp nhẹ hơn so với tâm nghi hoặc. Có gì mà chứng minh? Ví như có người giới thiệu cho bạn một người bạn, trước hết nói anh ta trung hậu ra sao, có học vấn như thế nào, tốt như thế nào, bạn nghe rồi thì nhất định sinh hoài nghi, muốn điều tra một lần. Đây là vì niềm tin không đủ. Đây là đối với thiện pháp mà nói. Nếu có người nói. Người nào đó phẩm hạnh chẳng tốt, tệ đến cực điểm, chẳng có hiếu với cha mẹ, chẳng trung với đất nước, bất tín đối với bạn bè, thì lúc đó, bạn liền tin sâu chẳng hoài nghi, không cần đi điều tra, đây là đối với ác pháp mà nói. Có người nói với bạn chính pháp, thì bạn liền khởi nghi hoặc rằng có Phật chẳng? Có Bồ Tát chẳng? Có A La Hán chẳng? Như có người nói với bạn tà pháp thì bạn liền tin ngay, còn tham gia hội đoàn của họ, vì họ mà làm nô lệ, song, mình vẫn chẳng biết bị người lợi dụng, thứ người này thật đáng thương xót! Hay đối với Phật pháp chẳng có nghi hoặc, tu giới tu định tu tuệ thì vĩnh viễn đoạn tuyệt tất cả các hí luận.

Hí luận gồm có:

1. Điền đảo hí luận. 2. Tổn hại hí luận. 3. Tranh cạnh hí luận. 4. Nơi người khác phân biệt thẳng liệ hí luận. 5. Phân biệt công xảo dưỡng mạng hí luận. 6. Đàm trước thế gian tài lực hí luận.

1. Điền đảo hí luận: Vốn là vật màu đen mà nói là màu trắng, tức là điền đảo thị phi. Rõ ràng là “phải” mà bạn với người ta biện luận, cường từ đoạt lý nói là “trái”, đây là điền đảo hí luận. Tức cũng là nói luận điều trái với đạo lý, nói ra lời lẽ hư vọng chẳng chân thật.

2. Đường tổn hí luận: Đường tổn nghĩa là rút đi. Ví như bạn làm công đức, mà có người nói bạn ngu si: “Làm công đức có ích gì? Làm công đức chẳng ăn cơm, có no không? Làm công đức chẳng mặc y phục, có lạnh chẳng? Căn bản chẳng có công đức! Đây là pháp gạt người. Bạn thấy người xuất gia hóa duyên, dạy người ta bố thí mà mình chẳng bố thí. “Đây là lý luận méo lệch, như thế thì sẽ tổn hại công đức. Phải biết có công đức thì mới có phước tuệ, phước tuệ viên mãn mới khai ngộ.

3. Tranh cạnh hí luận: Tranh là tranh biện, cạnh là so sánh hơn kém. Tranh thắng phụ với người, so sánh đứng hàng đầu. Do đó, có câu: “Tranh là tâm hơn thua/ Trái ngược lại với đạo/ Tâm sinh ra bốn tướng/ Làm sao được tam muội. Người có tâm hơn thua, thì trái ngược lại với đạo, chẳng hợp với đạo, cũng chẳng hợp với pháp. Nếu có biện luận, thì sẽ sinh ra tâm bốn tướng: tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng, làm sao mà đắc được tam

muội? Chẳng đắc được định tuệ chân chính, đối với pháp thì sinh tâm nghi hoặc.

4. Nơi người khác phân biệt thắng liệt hí luận: Phân biệt tốt hoặc xấu với người, hơn hoặc kém, trái hoặc phải. Đây cũng như con quạ đậu ở trên lưng heo, chỉ thấy người ta đen, mà chẳng thấy mình đen như thế. Lại giống như giặc đồ dơ thế cho người ta, chỉ thấy đồ người ta dơ, mà chẳng thấy đồ mình dơ.

5. Phân biệt công xảo dưỡng mạng hí luận: Một khi sinh nghĩ phân biệt tức là hí luận. Giống như sinh viên tốt nghiệp rồi, hối hận ban đầu không nên học văn học, hoặc không nên học triết học. Nếu như ban đầu học y khoa, thì bây giờ có thể làm bác sĩ. Nếu ban đầu học luật khoa, thì bây giờ có thể làm luật sư, đời sống sẽ giàu có hơn. Khi học xong đại học, thì mới nghĩ công xảo dưỡng mạng, đây tức là hí luận.

6. Đam trước thế gian tài thực hí luận: Tức là tham luyến tài, sắc, danh, thực, thù, năm dục thế gian. hãy xem trên thế gian có bao nhiêu người vì tài mà mất mạng, vì sắc mà phá thân, vì danh mà bại thân, vì ăn mà hại thân, vì ngủ mà hủy thân? Đó là đắm trước thế gian tài thực hí luận. Nếu chẳng có những hí luận này, thì chẳng sinh tâm phân biệt. Chẳng có tâm phân biệt tức là niệm Phật bồ đề. Chẳng có tâm phân biệt thì sẽ khai mở đại trí tuệ. Tại sao chúng ta chẳng có trí tuệ? Vì tâm phân biệt quá nặng, người ta khen bạn một câu, thì vui mừng vô cùng. Người ta chê bạn một câu, thì buồn bã vô cùng. Như thế thì làm sao mà học đạo? Làm sao mà tu hành? Muốn tu cảnh giới tám gió thổi không lay, thì xem tất cả thành một thể, mới là giác niệm, mới là thật công phu. Nhưng chẳng phải giống như người bùn, hoặc người gỗ, chẳng có tri giác. Tám gió tức là: Khen, chê, khổ, vui, lợi, suy, được, mất. Tám gió này là chỗ người thế gian thương ghét, hay làm giao động tâm người, cho nên gọi là tám gió. Người tu hành, tu đến trình độ như như bất động, liễu liễu thường minh thì chẳng bị tám gió làm lay động. Dù vàng bạc trước mắt cũng chẳng đổi lòng; đao nhọn dơ lên đầu, cũng chẳng cải chí hướng. Đây tức là tín niệm kim cang.

Khi con người sinh ra, thì tâm biết mà chẳng biết, hay mà không hay, là một trang giấy trắng sạch. Nếu có vị thiện tri thức, hoặc là minh sư dạy dỗ chỉ bảo, thì sớm sẽ minh tâm kiến tính, có chỗ thành tựu. Minh bạch pháp sai biệt. Pháp này chẳng chấp trước nơi tướng lời nói. Vì chẳng có lời nói, cho nên chẳng có phân biệt. Không phân biệt pháp, tức là tướng tịch diệt. Pháp của tướng tịch diệt, thì chẳng chấp trước nơi lời nói. Do đó, có câu: “Miệng muốn nói mà lời bật. Tâm muốn duyên mà tư tưởng chẳng còn nữa”. Lúc đó, tức là cảnh giới: “Đường lời đã hết, nơi tâm hành đã diệt”. Lúc đó, cũng chẳng có một, cũng chẳng có nhiều. Chẳng có một, là một mà chẳng một; chẳng có nhiều, là nhiều mà chẳng nhiều. Cảnh giới một nhiều chẳng lập. Đây là giáo lý tùy thuận chư

Phật.

Chúng ta đều có tâm phân biệt, thấy cảnh giới thì sinh tâm phân biệt. Do đó, có câu đối cảnh khởi tham ái, đây là kiến hoặc. Mê lý khởi phân biệt, đây là tư hoặc. Kiến hoặc có tám mươi tám phẩm, tư hoặc có hai mươi một phẩm. Nếu chẳng còn tâm chấp trước, thì đắc được công đức của Phật. Một và nhiều là cùng nhau nương tựa, cùng nhau làm gốc ngọn. Hoặc một làm gốc, nhiều làm ngọn. Hoặc nhiều làm gốc, một làm ngọn. Hoặc một nương tựa nhiều, nhiều nương tựa một. Có bốn ý nghĩa: 1. Cùng thành nghĩa. 2. Cùng hại nghĩa. 3. Cùng tồn nghĩa. 4. Cùng hết nghĩa.

1. Cùng thành nghĩa: Một, nhiều, cùng lập, cùng nhau tồn tại. Vì một trợ giúp nhiều, nhiều trợ giúp một. Cùng nhau tồn tại, đó đây đều có. Tức cũng là một thành nhiều, nhiều thành một. Đây là hai câu đầu tiên: “Trong nhiều không một tính, một cũng chẳng có nhiều”. Trong nhiều chẳng có một, tức là nhiều. Trong một chẳng có nhiều, tức là một. Đây là ý nghĩa một nhiều cùng nhau thành lập.

2. Cùng hại nghĩa: Có một thì chẳng có nhiều, có nhiều thì chẳng có một. Một nhiều cùng nhau chướng ngại, biến thành vô lực, đều không thể độc lập. Đây là câu thứ ba: “Như vậy hai đều xả”. Cả hai đều chẳng tồn tại. Đây là ý nghĩa một nhiều cùng nhau hại diệt.

3. Cùng tồn nghĩa: Cùng nhau tồn tại, chứ chẳng phải đơn độc tồn tại. Dùng một để trợ giúp nhiều, song, nhiều cũng vẫn không hoại, vẫn nhiều như nhau, nhưng do một mà thành nhiều. Dùng nhiều để trợ giúp một, song, một cũng chẳng hoại, vẫn tồn tại. Nhưng nhiếp một làm nhiều, tuy một nhiếp vào trong nhiều, nhưng cùng nhau tồn tại. Nhiều chẳng ngại một, một chẳng ngại nhiều. Đây là ý nghĩa một nhiều cùng nhau tồn tại.

4. Cùng hết nghĩa: Cùng nhau diệt hết, đó đây chẳng còn nữa. Đây và cùng hại nghĩa khác nhau, dùng sức của một để trợ giúp nhiều, mà nhiều cùng chẳng còn, dùng sức của nhiều để giữ một, mà một cùng chẳng còn.

Sau đây lại phân tích nghĩa lý một nhiều, có thể phân ra mười nghĩa: 1. Một ngọn độc lập. 2. Hai đồng thời hiện. 3. Hai cùng nhau mất. 4. Tự tại vô ngại. 5. Đến đi không động. 6. Không lực cùng giữ. 7. Đó đây không biết. 8. Sức dùng lấy nhau. 9. Tự tính chẳng có. 10. Cứu kính là lời nói.

1. Một ngọn độc lập: Đây là nói một nhiều hai pháp đều chẳng còn. Trong nhiều chẳng có một, cũng chẳng có nhiều. Trong một chẳng có nhiều, cũng chẳng có một. Tuy một chẳng có nhưng vẫn tồn tại. Tuy nhiều chẳng có, nhưng nhiều vẫn tồn tại. Một là một, nhiều là nhiều. Đây là đạo lý một ngọn độc lập.

2. Cả hai đồng thời hiện: Biết một có nhiều, biết nhiều có một. Chẳng có một cũng chẳng có nhiều. Chẳng có nhiều cũng chẳng có một. Chẳng có trước, chẳng có sau, một nhiều cùng lúc hiện ra. Ví như cặp sừng bò và sừng dê đều hiện cùng lúc.

3. Cả hai đều mất: Cũng chẳng cùng một, cũng chẳng có cùng nhiều, cả hai đều chẳng còn. Tại sao? Vì cả hai đều xả. Đây là đạo lý cả hai cùng mất.

4. Tự tại vô ngại: Chẳng tạo tác mà tự tại. Do đó, có câu: “Không vào mà chẳng tự được”, tùy tâm sở dục, muốn như thế nào thì như thế ấy. Muốn một tức là một, muốn nhiều tức là nhiều. Đây là tự tại vô ngại. Một tức nhiên có thể làm nhiều, nhiều tức nhiên có thể làm một. Đây tức là đạo lý một nhiều tự tại vô ngại.

5. Đến đi không động: Một vào trong nhiều, một vẫn tồn tại ở trong nhiều. Nhiều vào trong một, nhiều cũng vẫn tồn tại ở trong một. Cho nên đến cũng chẳng động, đi cũng chẳng động. Giống như hai mặt kính, hình ảnh của một người chiếu ở trong hai mặt kính. Đây là đạo lý một nhiều đến đi không động.

6. Không lực cùng giữ: Vì một có nhiều, cho nên nhiều chẳng có lực để chi trì một. Vì nhiều có một, cho nên một chẳng có lực chi trì nhiều. Cùng nhau chi trì, cùng nhau không lực. Đây là đạo lý không lực cùng giữ.

7. Đó đây không biết: Vì một, nhiều, cùng nương tựa, chẳng có thể, chẳng có dụng, cho nên một chẳng biết nhiều, nhiều chẳng biết một. Bồ Tát Giác Thủ có nói bài kệ rằng: “Các pháp chẳng tác dụng/ Cũng chẳng có thể tính/ Nên tất cả pháp đó/ Thấy đều chẳng biết nhau”. Các pháp chẳng có tác dụng của nó, vì nó chẳng có tự tính. Vì vậy cho nên tất cả pháp thế gian, thấy đều chẳng biết nhau. Đây là đạo lý một nhiều đó đây chẳng biết nhau.

8. Sức dùng lấy nhau: Tức là trong một hiểu vô lượng, trong vô lượng hiểu một. Cùng nhau trợ giúp. Một trợ giúp nhiều, nhiều trợ giúp một, mà cùng nhau dùng lấy. Đây là đạo lý một nhiều sức dùng lấy nhau.

9. Tự tính chẳng có: Vì cùng nhau khởi, cùng nhau mượn, bạn mượn tôi, tôi mượn bạn. Tự tính của một cũng chẳng có, tự tính của nhiều cũng chẳng có. đều là chẳng có. Đây là đạo lý một nhiều tự tính chẳng có.

10. Cứu kính lìa lời nói: Một, nhiều, nói ra tức là hí luận. Nên lìa lời nói tướng. Không thể nói nó là một, cũng không thể nói nó là chẳng phải một, cũng không thể nói nó là cũng một, cũng chẳng phải, cũng không thể nói nó là chẳng phải một, chẳng chẳng phải một. Do đó, có câu: “Ly tứ cú, tuyệt bách phi”. Lìa khỏi bốn câu nói không ra, nói ra tức là chẳng đúng. Cũng không thể nói có tướng,

cũng không thể nói không tương, cũng không thể nói tương thì tương vào, cũng không thể nói không thì không vào, cùng nhau giao triệt. Vì nguyên nhân này, cho nên miệng muốn nói mà chẳng có lời để nói; tâm muốn phan duyên mà chẳng có duyên để phan. Tại sao? Từ chẳng còn nữa, tư lự cũng bật luôn. Đạo lý này, cảnh giới này, chẳng phải nói ra mới minh bạch được. Nhưng nếu không nói, thì chẳng thể minh bạch. Nói ra là vì khiến cho chúng sinh tu hành, mà chứng được quả hải của tự tính. Lúc đó, mới minh bạch được đạo lý một nhiều, nguyên lai là như thế. Đạo lý sạch dơ cũng như thế.

Lời kết

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 04.

Phạm Tuấn Minh

Tài liệu: Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, Hòa thượng Tuyên Hóa, Hán dịch: Sa môn Thật Xoa Nan Đà, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, Chùa Kim Quang.